

Số: 318/TTr-HĐQT

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 05 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi Điều lệ Tổ chức và Hoạt động, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và Quy chế nội bộ về quản trị doanh nghiệp của Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên;

- Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên;

- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên;

- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị doanh nghiệp của Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên;

Để phù hợp với hoạt động quản trị của Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua việc sửa đổi toàn văn các tài liệu sau:

1. Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty
2. Quy chế nội bộ về quản trị doanh nghiệp
3. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty
4. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

Các tài liệu này đã được thông qua tại Nghị quyết số 316/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2021 của Đại hội đồng cổ đông công ty tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021. Nội dung chi tiết các điểm sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và Hoạt động, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và Quy chế nội bộ về quản trị doanh nghiệp của Công ty được trình bày tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này. Các quy định được sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị ký ban hành Điều lệ Tổ chức và Hoạt động, Quy chế hoạt động của Hội



đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và Quy chế nội bộ về quản trị doanh nghiệp theo các nội dung sửa đổi, bổ sung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGD;
- Lưu: VT, PC, Hồ sơ Đại hội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



[Handwritten signature]

Hoàng Tuyên



PHỤ LỤC: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

(Đính kèm Tờ trình số 318/TTr-HĐQT, ngày 27 tháng 05 năm 2023)

Ghi chú:

- Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Điều lệ hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng gạch chân.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Quy định tại Điều lệ sửa đổi” là nội dung **màu đen, in đậm**.
- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
- Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- Nghị định 155/2020/NĐ – CP là Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Quy định tại Điều lệ hiện hành	Quy định tại Điều lệ sửa đổi	Lý do sửa đổi
PHẦN MỞ ĐẦU	PHẦN MỞ ĐẦU	
Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành; Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành; Điều lệ này được sửa đổi, bổ sung cập nhật ngày 10/03/2022 theo Nghị quyết số 670/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/11/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty, và Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐQT Công ty ngày 10/03/2022 của Hội đồng quản trị Công ty	Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành; Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành; Điều lệ này được sửa đổi, bổ sung cập nhật ngày / /2023 theo Nghị quyết số /NQ-ĐHĐCĐ ngày / /2023 của Đại hội đồng cổ đông Công ty, và Nghị quyết số /2023/NQ-HĐQT Công ty ngày / /2023 của Hội đồng quản trị Công ty	Cập nhật dẫn chiếu Luật và thông tin phù hợp với thời gian sửa đổi Điều lệ
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	
Điều 1: Giải thích thuật ngữ	Điều 1. Giải thích thuật ngữ	
1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:	Các thuật ngữ được bổ sung theo luật doanh nghiệp 2020 và luật chứng khoán 2019

Không có	o) “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.	
Không có	p) “Tổ chức kiểm toán được chấp thuận” là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật về kiểm toán độc lập.	Bổ sung theo Khoản 22 Điều 4 Luật Chứng khoán
CHƯƠNG II. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY	CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở của Công ty.	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	
3. Trụ sở đăng ký của Công ty: - Website: www.benhvienquocethainguyen.com	3. Trụ sở đăng ký của Công ty: - Website: https://tnh.com.vn/	Sửa tên miền
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.	5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn	
Không có	CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	Bổ sung chương III (gồm điều 4,5,6)
CHƯƠNG III: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	Sửa số chương
Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	
1. Vốn điều lệ của Công ty là 674.371.110.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi tư tỷ ba trăm bảy mươi một triệu một trăm mười nghìn đồng) Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 67.437.111 cổ phần (Sáu mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn một trăm mười một cổ phần) với	1. Vốn điều lệ, việc điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua vào từng thời điểm, được ghi nhận trong giấy phép thành lập và hoạt động và được công bố theo quy định của pháp luật.	- Sửa đổi, không nêu rõ số vốn và số cổ phần của công ty, nội dung này sẽ được thể hiện tại phụ lục để thuận tiện cho doanh nghiệp khi

<p>mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (mười nghìn đồng một cổ phần)</p>	<p>Tổng số vốn điều lệ hiện tại của Công ty được quy định chi tiết trong Phụ lục 01 đi kèm Điều lệ này. Quy định về vốn điều lệ trong Phụ lục 01 được tự động điều chỉnh khi phát hành các cổ phần mới được phép phát hành theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>thay đổi Vốn điều lệ chỉ cần bổ sung vào phụ lục mà không phải thay đổi điều lệ doanh nghiệp.</p>
<p>5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.</p>	<p>5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này. 6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.</p>	<p>Tách số mục</p>
<p>6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. 7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật. 8. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty là 49%.</p>	<p>7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. 8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật. 9. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty là 49%.</p>	
<p>CHƯƠNG IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT</p>	<p>CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT</p>	<p>Cập nhật số chương</p>
<p>Điều 13. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: 1. Đại hội đồng cổ đông. 2. Hội đồng quản trị. 3. Ban kiểm soát.</p>	<p>Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: 1. Đại hội đồng cổ đông. 2. Hội đồng quản trị. 3. Ban kiểm soát.</p>	<p>Cập nhật STT</p>

4. Tổng Giám đốc.	4. Tổng Giám đốc.	
MỤC 1. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	Thay mục thành chương, đây điều 11, 12 xuống chương này
Điều 11. Quyền của cổ đông	Điều 12. Quyền của cổ đông	Cập nhật STT
<p>3. Trường hợp không muốn bỏ phiếu bầu các ứng viên đã được Hội đồng quản trị giới thiệu (trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị) hoặc được Ban kiểm soát giới thiệu (trường hợp bầu Ban kiểm soát); hoặc Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát không giới thiệu hoặc giới thiệu không đủ số lượng ứng viên cần thiết; cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo trình tự như sau:</p> <p>a) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cần bầu, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</p> <p>b) Các cổ đông trực tiếp đề cử, hoặc hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc đề cử hoặc hợp nhóm để đề cử cho các cổ đông dự họp biết trước tối thiểu 03 ngày làm việc trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông để Công ty thực hiện việc công bố thông tin và chuẩn bị tài liệu gửi các cổ đông (nếu cần). Kèm theo thông báo phải gửi kèm các tài liệu chứng minh ứng viên đủ các tiêu chuẩn cần thiết của thành viên Hội đồng quản trị hoặc ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</p>	Sửa theo điểm a,b khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	Cập nhật STT
<p>Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.</p>	<p>Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.</p>	

Không có	2. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.	
<p>2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p> <p>3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.</p> <p>4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p>7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: a) Vi phạm pháp luật; b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p>	<p>3. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p> <p>4. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.</p> <p>5. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>7. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p>8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: a) Vi phạm pháp luật; b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p>	Cập nhật STT

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty. 8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.	c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty. 9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành	
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:	3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:	
a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;	a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;	Không đổi
b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;	b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;	Bổ sung theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 160 Luật Doanh nghiệp
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	
a) <u>Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;</u>	a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;	Sửa theo quy định tại Điều 140 và Điều 160 Luật Doanh nghiệp 2020.
b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;	b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;	Không đổi
c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại	c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại	

<p>điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p> <p>d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p> <p>d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p>	
<p>5. Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, công ty mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty.</p>	<p>5. Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, công ty mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty.</p>	<p>Trùng với ý đã nêu tại khoản 2 điều 14 điều lệ sửa đổi</p>
<p>Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp</p>	<p>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp</p>	<p>Không đổi</p>

hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.	hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.	
Không có	2. Trường hợp cổ đông công ty là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp cổ đông công ty không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.	Bổ sung theo Khoản 3 Điều 14 Luật Doanh nghiệp quy định cho cổ đông công ty là tổ chức
<p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p>	<p>3. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p>	Cập nhật STT
Không có	4. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho công ty và chỉ có hiệu lực đối với công ty kể từ ngày công ty nhận được văn bản. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông; - Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền; 	Bổ sung theo Khoản 4 điều 14 Luật Doanh nghiệp

	<p>- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền;</p> <p>- Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;</p> <p>- Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền;</p>	
<p>3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:</p> <p>a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p> <p>c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	<p>5. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:</p> <p>a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p> <p>c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	Cập nhật STT
<p>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường <u>theo các trường hợp quy định tại Điều lệ này.</u></p>	<p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.</p>	Cập nhật dẫn chiếu
<p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham</p>	<p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham</p>	Không đổi

dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;	dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;	
Không có	b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;	Bổ sung theo Điều c khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp
b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội; c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;	c) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội; d) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;	Cập nhật STT
d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;	đ) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;	Bổ sung theo điểm đ khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020
đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội; e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;	e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội; f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;	Cập nhật STT
Không có	g) Cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử;	
g) Các công việc khác phục vụ đại hội.	h) Các công việc khác phục vụ đại hội.	Cập nhật STT
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi có phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội	3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi có phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời	Bổ sung theo Khoản 1 điều 143 Luật Doanh nghiệp

<p>được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p>	<p>gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p>	
<p>a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; c) Phiếu biểu quyết; d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p>	<p>a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; c) Phiếu biểu quyết; d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p>	Không đổi
<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p>	<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p>	Không đổi
<p><u>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</u></p>	<p>5. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p>	Bổ sung theo Khoản 3 điều 142 Luật Doanh nghiệp
<p>a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;</p>	<p>a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;</p>	Không đổi

<p>b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên;</p> <p>c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên;</p> <p>c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
<p>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>Không có</p>	<p>4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Bổ sung theo khoản 4 Điều 145 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:</p>	<p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:</p>	<p>Không đổi</p>
<p>a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. <u>Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ toạ công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội</u></p>	<p>a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết và/hoặc phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu có), trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/bầu cử của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ toạ công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám</p>	<p>Bổ sung thêm nội dung về phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu có) để phù hợp với thực tế phát sinh tại các ĐHCĐ</p> <p>Bỏ nội dung thứ tự thu phiếu vì không bắt buộc theo Luật Doanh nghiệp và trên thực tế có thể thu đồng thời và ghi nhận kết quả riêng của các loại thẻ, phiếu. Quy định về cách thức kiểm phiếu được quy định chi tiết tại</p>

<p><u>đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;</u></p>	<p>sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;</p>	<p>Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.</p>
<p>Không có</p>	<p>b) Trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử.</p>	<p>Bổ sung quy định áp dụng trong trường hợp tổ chức họp trực tuyến.</p>
<p>b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền <u>đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký.</u> Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông <u>đến</u> muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p>	<p>c) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền <u>dự họp tham dự sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký.</u> Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông <u>tham dự</u> muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p>	<p>Sửa lại từ “đến” thành từ “tham dự” để áp dụng cho cả TH trực tuyến Sửa theo khoản 6 Điều 146 Luật Doanh nghiệp và điểm b Khoản 1 Điều 20 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau: a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp <u>trong số những người dự họp</u> và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p>	<p>2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau: a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp <u>trong số những người dự họp</u> và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p>	
<p>b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp</p>	<p>b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p>	<p>Không đổi</p>

<p>và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;</p> <p>d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;</p> <p>d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</p>	
<p>Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p>	<p>Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p>	
<p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p>	<p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p>	<p>Sửa đổi theo luật số 03 có hiệu lực từ 2022</p>
<p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Sửa đổi theo luật số 03 có hiệu lực từ 2022</p>
	<p>3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống</p>	<p>Bổ sung theo khoản 3, 4 điều 148 Luật Doanh nghiệp</p>

	<p>thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử. Ngoài ra, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức khác được quy định tại Quy chế bầu cử của từng đợt bầu thành viên.</p> <p>4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.</p>	
<p>3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	<p>5. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	Cập nhật STT
<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p>	<p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p>	
<p>1. Khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền, trừ trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</p>	<p>1. Khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.</p>	

<p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện tương tự theo quy định về việc thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông đã quy định tại Điều lệ này.</p>	<p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện tương tự theo quy định về việc thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông đã quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.</p>	<p>Bổ sung theo điều 149 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p>	<p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p>	<p>Không đổi</p>
<p>i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. <u>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</u></p>	<p>i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.</p>	<p>Bổ sung theo luật số 03 có hiệu lực từ 2022</p>

<p>4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố đầy đủ trên trang thông tin điện tử của Công ty, công thông tin điện tử của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và theo quy định của Luật Doanh nghiệp. 5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.</p>	<p>Cụ thể thông tin hơn</p>
<p>Điều 24. Thi hành, phản đối hoặc yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>1. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện. 2. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo giá trị sổ sách của Công ty trong</p>	<p>1. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện. 2. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo giá trị sổ sách của</p>	<p>Bỏ</p>

<p><u>thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.</u></p>	<p>Công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.</p>	
<p>3. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	
<p>a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, <u>trừ trường hợp Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</u> b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.</p>	<p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 21 Điều lệ này. 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.</p>	<p>Sửa theo Điều 151 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>MỤC 2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>	<p>CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>	<p>Thay mục thành chương</p>
<p>Điều 25. Ứng cử, đề cử, bầu thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p>	
<p>3. Căn cứ vào số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn thiếu cho nhiệm kỳ hiện tại hoặc cần bầu nhiệm kỳ kết tiếp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng cử viên song song với việc tổ chức đề cử thêm ứng cử viên theo quy định tại khoản 2 Điều này, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</p>	<p>3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng cử viên song song với việc tổ chức đề cử thêm ứng cử viên theo quy định tại khoản 2 Điều này, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội</p>	

	đồng cổ đồng biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.	
5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.	5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.	Bỏ, đã trình bày ở khoản 3 điều 21 Điều lệ sửa đổi
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	
1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 6 người.	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 7 người.	
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:	2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:	Không đổi
h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;	h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;	Chỉnh sửa câu từ phù hợp với điều 153 Luật DN

<p>i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p>	<p>i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ, Quy chế nội bộ về Quản trị công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p>	
<p>k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết; n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông; o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;</p>	<p>k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết; n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông; o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;</p>	<p>Không đổi</p>
<p>Không có</p>	<p>q) Quyết định việc chào bán trái phiếu riêng lẻ, bao gồm loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 130 Luật Doanh nghiệp, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất</p>	<p>Bổ sung phù hợp với điểm b khoản 1 Điều 130 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi</p>	<p>r) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi</p>	<p>Cập nhật STT</p>

được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;	được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị , Quy chế về công bố thông tin của công ty;	
s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.	s) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ này và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.	Chỉnh sửa câu từ
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;	Không đổi
e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và.	e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty	Chỉnh sửa câu từ
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc (nếu không có Phó Chủ tịch HĐQT). Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa	5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc (nếu không có Phó Chủ tịch HĐQT) thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty . Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi	Chỉnh sửa câu từ

án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.	nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.	
MỤC 3. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	Thay mục thành chương
MỤC 4. BAN KIỂM SOÁT	CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT	
Điều 37. Ứng cử, đề cử, bầu cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	Điều 37. Ứng cử, đề cử, bầu cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	
1. Việc ứng cử, đề cử, bầu cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự việc ứng cử, đề cử, bầu cử thành viên Hội đồng quản trị đã quy định tại Điều lệ này.	1. Việc ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.	Chỉnh sửa câu từ
2. Căn cứ vào số lượng thành viên Ban kiểm soát còn thiếu cho nhiệm kỳ hiện tại hoặc cần bầu cho nhiệm kỳ kết tiếp, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể giới thiệu ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.	2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.	Chỉnh sửa câu từ
MỤC 5. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	Thay mục thành chương
CHƯƠNG V. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	Sắp xếp lại các mục cho phù hợp
Điều 52. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	Cập nhật STT
Không có	CHƯƠNG XII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	Bổ sung tên chương

Điều 45. Phân phối lợi nhuận	Điều 46. Phân phối lợi nhuận	Cập nhật STT
Không có	CHƯƠNG XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	Bổ sung tên chương
Điều 46. Tài khoản ngân hàng	Điều 47. Tài khoản ngân hàng	Cập nhật STT
Điều 47. Năm tài chính	Điều 48. Năm tài chính	Cập nhật STT
Điều 48. Chế độ kế toán	Điều 49. Chế độ kế toán	Cập nhật STT
Không có	CHƯƠNG XIV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	Bổ sung tên chương
Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	Cập nhật STT
Điều 50. Báo cáo thường niên	Điều 51. Báo cáo thường niên	Cập nhật STT
Không có	CHƯƠNG XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY	Bổ sung tên chương
Điều 51. Kiểm toán	Điều 52. Kiểm toán	
<u>CHƯƠNG VI. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ VÀ GIẢI THỂ CÔNG TY</u>	CHƯƠNG XVI. GIẢI THỂ CÔNG TY	Sửa tên chương
Điều 54. Giải thể công ty	Điều 53. Giải thể công ty	Cập nhật STT
Không có	Điều 54. Gia hạn hoạt động	Bổ sung mục mới
Không có	1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị. 2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành	
Điều 55. Thanh lý	Điều 55. Thanh lý	Không đổi
1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên	1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động	Bổ sung thông tin

của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.	của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.	
Không có	CHƯƠNG XVII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	Bổ sung tên chương
Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ	Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ	
CHƯƠNG VII. SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ	CHƯƠNG XVIII. SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ	Cập nhật STT
Điều 56. Điều lệ công ty	Điều 57. Điều lệ công ty	Cập nhật STT
Điều 58. Ngày hiệu lực	Điều 58. Ngày hiệu lực	Cập nhật STT
1. Bản điều lệ này gồm 5 chương, 57 điều; được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên nhất trí thông qua ngày 30 tháng 06 năm 2021 tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Điều lệ này được sửa đổi bổ sung theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2021 ngày 30/11/2021 của Công ty và Nghị quyết HĐQT số 16/NQ-HĐQT ngày 10/03/2022 của Hội đồng quản trị Công ty.	1. Bản điều lệ này gồm 18 chương, 58 điều; được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên nhất trí thông qua ngày tháng năm 2023 tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Điều lệ này được sửa đổi bổ sung theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày / /2023 của Công ty và Nghị quyết HĐQT số /NQ-HĐQT ngày / /2023 của Hội đồng quản trị Công ty.	Cập nhật lại



PHỤ LỤC: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

(Đính kèm Tờ trình số 318/TTr-ĐHĐCĐ, ngày 27 tháng 05 năm 2023)

Ghi chú:

- Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị doanh nghiệp hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng gạch chân.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị doanh nghiệp sửa đổi” là nội dung **màu đen, in đậm**.
- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
- Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- Nghị định 155/2020/NĐ – CP là Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị doanh nghiệp hiện hành	Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị doanh nghiệp sửa đổi	Lý do sửa đổi
CĂN CỨ	CĂN CỨ	
<ul style="list-style-type: none">- <u>Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;</u>- <u>Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;</u>- <u>Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</u>- <u>Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công</u>	<ul style="list-style-type: none">- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.	Bổ sung đầy đủ hơn



<p><u>ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</u></p> <p>– <u>Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên;</u></p> <p>– <u>Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 06 năm 2021;</u></p>	<p>– <u>Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</u></p> <p>– <u>Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.</u></p> <p>– <u>Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên</u></p> <p>– <u>Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số/NQ-ĐHĐCĐ ngày tháng năm 2023;</u></p>	
<p>CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG</p>	<p>CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG</p>	
<p>Không có</p>	<p>Điều 2. Giải thích thuật ngữ</p>	
<p>Không có</p>	<p>1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: a. Quản trị công ty là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm: - Bảo đảm cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả; - Bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với công ty và cổ đông; - Bảo đảm quyền của cổ đông, đối xử bình đẳng giữa các cổ đông; - Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị công ty;</p>	<p>Bổ sung</p>

- Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị công ty;
- Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của công ty; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.
- b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- c. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- d. "Công ty" là Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên
- e. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần.
- f. "Đại biểu" là cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- g. "Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần.
- h. "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành.
- i. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
- j. "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc), Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
- k. "Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành" (sau đây gọi là "thành viên không điều

	<p>hành”) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.</p> <p>l. “Thành viên độc lập Hội đồng quản trị” (sau đây gọi là “thành viên độc lập”) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.</p> <p>m. “Người có quan hệ gia đình” bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.</p> <p>n. “Người nội bộ” là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của doanh nghiệp được quy định tại khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán;</p> <p>o. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;</p>	
Điều 2. Bộ máy quản trị Công ty	Điều 3. Bộ máy quản trị Công ty	Cập nhật STT
Điều 3. Nguyên tắc quản trị Công ty	Điều 4. Nguyên tắc quản trị Công ty	Cập nhật STT
CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	
MỤC 1. TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG DƯỚI TRỰC TIẾP	MỤC 1. VAI TRÒ, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	Chỉnh sửa mục
Không có	Điều 5. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	
Không có	<p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều 15 Điều lệ công ty.</p>	Bổ sung phù hợp với Khoản 1 Điều 138 Luật Doanh nghiệp, Điều 272 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

	<p>3. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.</p>	Bổ sung dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ Công ty
Không có	Điều 6. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	
Không có	<p>Cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; 2. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; 3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; 4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử 5. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty. 	Bổ sung theo Khoản 3 Điều 144 luật Doanh nghiệp và Khoản 6 Điều 13 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
Không có	MỤC 2. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TRỰC TIẾP TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	Bổ sung mục
Điều 4. <u>Thẩm quyền</u> triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 7. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông	Cập nhật STT
<u>1. Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các trường hợp quy định tại của Điều lệ Công ty hoặc theo quy định của pháp luật. Trường hợp Hội đồng quản trị không thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, thì Ban kiểm soát hoặc cổ đông/nhóm cổ đông thực hiện triệu tập cuộc họp theo</u>	1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty.	Sửa theo Khoản 1 Điều 140 Luật Doanh nghiệp và Khoản 1 Điều 18 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

<p><u>quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, và phải thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, trách nhiệm liên quan khi triệu tập cuộc họp.</u></p>		
<p><u>2. Thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp Đại hội cổ đông phải sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm, thời gian họp lý để các cổ đông tham dự, thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông phù hợp với khả năng tham dự của đại đa số Cổ đông hoặc tình hình xã hội.</u></p>	<p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p>Sửa theo Khoản 1 và Khoản 2 Điều 139 Luật Doanh nghiệp</p>
<p><u>3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</u> a) <u>Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</u> b) <u>Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</u> c) <u>Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</u> d) <u>Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</u> đ) <u>Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</u> e) <u>Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</u> g) <u>Các công việc khác phục vụ đại hội.</u> <u>4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể thành lập các bộ phận giúp việc để thực hiện hỗ trợ một phần công tác tổ chức Đại hội, ví dụ như Đoàn chủ tịch, Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Ban thư ký</u></p>	<p>3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Dẫn chiếu đến điều lệ, bỏ điều 4</p>
<p><u>Điều 5. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông và lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</u></p>	<p>Điều 8. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp</p>	<p>Cập nhật STT, tách thành 2 điều</p>
<p><u>1. Công ty phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng; cũng như làm việc với Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam để thực hiện việc</u></p>	<p>1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của</p>	

<p><u>lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp để đảm bảo danh sách được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.</u></p>	<p>công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ 1.</p>	
<p>Không có</p>	<p>Điều 9. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Bổ sung</p>
<p>Không có</p>	<p>Công ty đại chúng phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p>	
<p>Điều 6. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 10. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p><u>1. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.</u></p> <p><u>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).</u></p> <p><u>3. Ngoài việc gửi bằng phương thức bảo đảm; thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông cũng có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ khác do cổ đông cung cấp ngoài địa chỉ cổ đông đã đăng ký với Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo cũng có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc</u></p>	<p>Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Dẫn chiếu đến điều lệ</p> <p>Tham chiếu điểm a khoản 3 Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC</p>

<p><u>trong Công ty, thông báo mời họp cũng có thể được gửi bằng phương thức trực tiếp.</u></p> <p><u>4. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi kèm tài liê, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</u></p> <p><u>a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</u></p> <p><u>b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường họp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</u></p> <p><u>c) Phiếu biểu quyết;</u></p> <p><u>d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</u></p>		
<p>Điều 7. Chương trình, nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 11. Chương trình, nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p><u>1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp và gửi kèm theo thông báo mời họp. Trong trường họp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp, thì thông báo phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</u></p> <p><u>a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</u></p> <p><u>b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường họp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</u></p> <p><u>c) Phiếu biểu quyết;</u></p> <p><u>d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</u></p> <p><u>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến</u></p>	<p><u>1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.</u></p> <p><u>2. Việc kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp của cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 18 Điều lệ Công ty.</u></p>	<p>Dẫn chiếu đến điều lệ</p>

<p><u>nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</u></p> <p><u>3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</u></p> <p><u>a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;</u></p> <p><u>b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p><u>c) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên</u></p> <p><u>d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ công ty.</u></p> <p><u>4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</u></p>		
<p>Điều 8. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 12. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p><u>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</u></p> <p><u>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Người triệu tập cuộc họp</u></p>	<p>Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Dẫn chiếu đến điều lệ</p>

phải ban hành mẫu văn bản ủy quyền để người dự họp thực hiện việc ủy quyền một cách hợp lệ, thuận tiện và có thể gửi kèm mẫu văn bản này kèm theo thông báo mời họp.

Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Văn bản ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ về việc người được ủy quyền chỉ được ủy quyền tham dự cuộc họp và không có quyền biểu quyết; hay thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của người dự họp; hay thực hiện một phần quyền biểu quyết với các vấn đề được nêu cụ thể tương ứng theo chương trình dự họp

Trường hợp kèm theo thông báo mời họp có mẫu văn bản ủy quyền có đóng dấu của Công ty, thì cổ đông được trực tiếp sử dụng văn bản ủy quyền này mà không cần chứng thực chữ ký. Trường hợp cổ đông tải mẫu văn bản ủy quyền trên trang điện tử của Công ty hoặc tự lập mẫu ủy quyền khác, thì văn bản ủy quyền cần phải được công chứng/chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật để xác nhận người ký vào bên phía người ủy quyền là cổ đông.

4. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

5. Chủ toạ cuộc họp có quyền từ chối cho người được ủy quyền thực hiện các quyền được nêu không rõ ràng trong văn bản ủy quyền.

<p><u>6. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:</u></p> <p>a) <u>Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</u></p> <p>b) <u>Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</u></p> <p>c) <u>Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</u></p> <p><u>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</u></p>		
<p>Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 13. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Tham chiếu khoản 1 và khoản 6 Điều 146 Luật Doanh nghiệp và Điều 20 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p><u>1. Người đăng ký dự họp cần mang thông báo mời họp (thư mời) và phải xuất trình bản gốc Chứng minh nhân dân, căn cước công dân, hộ chiếu hoặc giấy tờ pháp lý khác để xác nhận nhân thân theo thông tin đã đăng ký tại Danh sách cổ đông có quyền dự họp của Công ty khi làm thủ tục tham dự cuộc họp.</u></p> <p><u>Người được cổ đông ủy quyền dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền hợp lệ. Nếu cổ đông là pháp nhân, thì người dự họp là người đại diện theo pháp luật của pháp nhân hoặc người được người đại diện theo pháp luật của pháp nhân ủy quyền.</u></p> <p><u>2. Người đăng ký tham dự Đại hội phải ăn mặc, ứng xử văn minh lịch sự; ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban Tổ chức Đại hội quy định.</u></p> <p><u>3. Cổ đông sau khi đăng ký dự họp được cấp bộ tài liệu dự họp gồm toàn bộ tài liệu liên quan đến chương trình đại hội, Phiếu đăng ký thảo luận để thực hiện</u></p>	<p>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có thể đăng ký tham dự họp qua thư, fax, thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>2. Khi đến tham dự cuộc họp, cổ đông, người được ủy quyền dự họp của cổ đông phải mang theo Giấy tờ chứng thực hợp pháp được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông để xác nhận tư cách Đại biểu.</p> <p>3. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p>4. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền</p>	

<p><u>quyền thảo luận, Phiếu biểu quyết để thực hiện quyền biểu quyết.</u></p> <p><u>4. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông luôn có quyền đăng ký ngay và sau khi hoàn thành thủ tục đăng ký có quyền tham gia thảo luận và biểu quyết ngay những vấn đề đang tiếp tục được thảo luận tại đại hội hoặc đối với những vấn đề đang trong quá trình thu phiếu nhưng chưa hoàn thành theo thủ tục chung. Cổ đông dự họp luôn không được yêu cầu được biểu quyết lại những vấn đề đã hoàn thành việc thu phiếu, bất kể vào thời điểm đó đã kiểm phiếu hay chưa. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng</u></p>	<p><u>biểu quyết một thể biểu quyết và/ hoặc các phiếu biểu quyết và/ hoặc phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết hoặc số phiếu bầu cử của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đó.</u></p> <p><u>5. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho đại biểu đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</u></p>	
<p>Điều 10. Điều kiện, cách thức tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 14. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Cập nhật STT, tách thành 2 điều</p>
<p><u>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</u></p> <p><u>2. Sau khi xác định cuộc họp đủ điều kiện khai mạc, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì cuộc họp trong trường hợp Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội.</u></p>	<p><u>Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.</u></p>	<p>Dẫn chiếu đến điều lệ</p>

		<p>Đổi với các trường hợp khác, thực hiện theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty, trường hợp không bầu được người làm chủ toạ thì Trường Ban kiểm soát điều kiện để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp.</p> <p>3. Chủ toạ cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp và để nghị Đại hội bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu trước khi tiến hành các nội dung khác.</p> <p>4. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua sau khi Đại hội đã thông qua ban kiểm phiếu. Chương trình đại hội có thể xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. Quyết định của Chủ toạ về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình đã biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phân quyết cao nhất.</p> <p>5. Tùy theo nội dung, tính chất của từng buổi họp, Chủ toạ có thể điều hành Đại hội diễn ra theo phương thức thảo luận xong vấn đề nào sẽ tiến hành biểu quyết ngay cho vấn đề đó, hoặc quyết định thảo luận một số hoặc toàn bộ các vấn đề của chương trình đại hội (thảo luận từng vấn đề) rồi tiến hành biểu quyết các vấn đề đã được thảo luận đó (biểu quyết từng vấn đề).</p> <p>6. Cổ đông tham dự Đại hội chỉ được phát biểu ý kiến thảo luận sau khi được sự đồng ý của Chủ toạ, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trong tam cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Đối với các vấn đề thảo luận quan trọng, Chủ toạ có quyền ưu tiên quyền phát biểu cho các cổ đông đã đăng ký phát biểu qua phiếu đăng ký và gửi cho thư ký trước đó. Cổ đông phải tôn trọng và tuân thủ tuyệt đối việc điều hành của Chủ toạ và Ban tổ chức Đại hội.</p>
--	--	--

<p><u>7. Trong trường hợp các cổ đông đã phát biểu ý kiến dưới sự điều khiển của chủ toạ, nhưng chương trình họp không cho phép trả lời hết tất cả các câu hỏi hoặc ý kiến của cổ đông, thì những câu hỏi hoặc ý kiến đó phải được Thư ký Đại hội ghi nhận lại và Hội đồng Quản trị có nghĩa vụ phải trả lời bằng văn bản những vấn đề đó trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc Đại hội. Văn bản trả lời những vấn đề còn lại phải gửi đồng thời cho tất cả các cổ đông dự họp</u></p>		
<p><u>Điều 11. Cách thức biểu quyết, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu</u></p>	<p>Điều 15. Thể thức tiến hành họp và cách thức biểu quyết, bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu</p>	
<p><u>1. Các cổ đông phải tiến hành biểu quyết theo trình tự điều hành của Chủ toạ bằng cách điền đầy đủ thông tin cá nhân tại phiếu biểu quyết, và đánh dấu vào các ô tương ứng trong bảng biểu quyết để biểu quyết cho ý kiến tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến đối với vấn đề biểu quyết.</u></p> <p><u>2. Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu do Công ty phát cho Cổ đông khi đăng ký dự họp, được điền đủ thông tin cổ đông, ký tên, và tích vào một ô biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến đối với vấn đề biểu quyết;</u></p> <p><u>Trường hợp cổ đông tự in và gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp gửi thư, fax, thư điện tử trước khi kiểm phiếu đại hội thì Phiếu biểu quyết hợp lệ phải có dấu công chứng/chứng thực chữ ký của cổ đông trên phiếu biểu quyết để đảm bảo đúng người ký tên trên Phiếu biểu quyết là cổ đông.</u></p> <p><u>3. Phiếu biểu quyết không hợp lệ là Phiếu biểu quyết không thực hiện đúng các quy định nêu tại khoản 2 Điều này, ví dụ:</u></p> <p><u>- Phiếu biểu quyết không do Công ty phát hành hoặc phát hành sai/thừa;</u></p>	<p><u>1. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ biểu quyết, bỏ phiếu biểu quyết vào hòm phiếu hoặc các cách thức khác được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.</u></p> <p><u>2. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua sau khi Đại hội đã thông qua ban kiểm phiếu. Chương trình đại hội phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. Quyết định của Chủ toạ về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình đã biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.</u></p> <p><u>3. Tùy theo nội dung, tính chất của từng buổi họp, Chủ toạ có thể điều hành Đại hội diễn ra theo phương thức thảo luận xong vấn đề nào sẽ tiến hành biểu quyết ngay cho vấn đề đó, hoặc quyết định thảo luận một số hoặc toàn bộ các vấn đề của chương trình đại hội (thảo luận từng vấn đề) rồi</u></p>	

- Phiếu biểu quyết không điền đầy đủ thông tin tên, địa chỉ, số giấy tờ pháp lý của cổ đông, số cổ phần sở hữu, số phiếu biểu quyết hoặc không có chữ ký của cổ đông/người đại diện cổ đông;

- Phiếu biểu quyết sửa chữa, tẩy xóa dẫn đến việc không xác định rõ thông tin cổ đông hoặc ý kiến biểu quyết hoặc ghi thêm nội dung gây nhầm lẫn.

- Phiếu biểu quyết không đánh dấu ý kiến nào hoặc đánh dấu từ 02 (hai) ý kiến trở lên đối với 01 (một) nội dung cần lấy ý kiến biểu quyết thì phần biểu quyết đối với nội dung đó là không hợp lệ.

- Phiếu biểu quyết bầu cử có số ứng viên được bầu lớn hơn số ứng viên cần bầu hoặc tổng số phiếu cổ đông đã bầu lớn hơn tổng số phiếu cổ đông có và được phép bầu (trường hợp tổng số phiếu đã bầu nhỏ hơn được bầu, thì số phiếu không bầu coi như không tham gia biểu quyết).

4. Cổ đông liên hệ ngay với Ban kiểm tra tư cách cổ đông để cấp đổi hoặc cấp lại Phiếu biểu quyết khi điền sai thông tin hoặc làm thất lạc Phiếu biểu quyết. Phiếu biểu quyết chỉ được cấp đổi, cấp lại trước khi tiến hành kiểm phiếu.

5. Các cổ đông phải tiến hành bỏ phiếu bằng cách bỏ phiếu vào thùng phiếu hoặc chuyển cho thư ký hoặc bộ phận giúp việc của đại hội để chuyển vào thùng phiếu trong thời gian quy định đã được chủ tọa thông báo. Đại hội sẽ không nhận các phiếu được gửi quá thời gian bỏ phiếu, khi đó, cổ đông được xác định là không tham gia biểu quyết.

6. Việc biểu quyết bầu cử thực hiện theo nguyên tắc bầu dồn phiếu đã quy định tại Điều lệ Công ty.

7. Việc kiểm phiếu phải do Ban Kiểm phiếu thực hiện bằng cách kiểm tay kết hợp với các ứng dụng kiểm phiếu điện tử dựa trên mã số, mã vạch (nếu điều kiện công nghệ thông tin và tài chính của công ty cho phép). Việc kiểm phiếu phải được lập thành biên bản

tiến hành biểu quyết các vấn đề đã được thảo luận đó (biểu quyết từng vấn đề).

4. Cổ đông tham dự Đại hội chỉ được phát biểu ý kiến thảo luận sau khi được sự đồng ý của Chủ tọa, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Đối với các vấn đề thảo luận quan trọng, Chủ tọa có quyền ưu tiên quyền phát biểu cho các cổ đông đã đăng ký phát biểu qua phiếu đăng ký và gửi cho thư ký trước đó. Cổ đông phải tôn trọng và tuân thủ tuyệt đối việc điều hành của Chủ tọa và Ban tổ chức Đại hội.

5. Trong trường hợp các cổ đông đã phát biểu ý kiến dưới sự điều khiển của chủ tọa, nhưng chương trình họp không cho phép trả lời hết tất cả các câu hỏi hoặc ý kiến của cổ đông, thì những câu hỏi hoặc ý đó phải được Thư ký Đại hội ghi nhận lại và Hội đồng Quản trị có nghĩa vụ phải trả lời bằng văn bản những vấn đề còn lại đồng thời phải gửi cho tất cả các cổ đông dự họp trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc Đại hội. Văn bản này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

6. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

7. Khi tiến hành biểu quyết theo hình thức giơ thẻ biểu quyết tại đại hội, số thẻ "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" được đếm riêng. Tổng số ý kiến "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" theo từng vấn đề được Chủ tọa

<p><u>có chữ ký của tất cả các thành viên Ban Kiểm phiếu và tất cả các phiếu biểu quyết phải được lưu giữ vào bộ hồ sơ Đại hội. Trưởng ban kiểm phiếu hoặc một thành viên do trưởng ban phân công thực hiện việc báo cáo kết quả kiểm phiếu trước khi bế mạc Đại hội. Việc báo cáo kết quả kiểm phiếu được thực hiện đối với từng vấn đề biểu quyết.</u></p>	<p>hoặc Trưởng ban kiểm phiếu thông báo ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu.</p> <p>8. Khi tiến hành biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu, cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông bỏ các phiếu biểu quyết vào thùng phiếu được niêm phong để ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ kiểm tra lại số phiếu biểu quyết thu về so với số phiếu biểu quyết phát ra và kiểm tra tính hợp lệ của các phiếu biểu quyết thu về. Số phiếu "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" và số phiếu không hợp lệ của từng nội dung biểu quyết sẽ được tổng hợp riêng và được ghi rõ trên biên bản kiểm phiếu.</p> <p>9. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo các phương thức quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty. Việc biểu quyết bầu cử sẽ được quy định chi tiết trong quy chế bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Các phiếu bầu cử này cũng sẽ được cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông bỏ vào thùng phiếu được niêm phong để Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu.</p> <p>10. Trưởng ban kiểm phiếu hoặc một thành viên do trưởng ban phân công thực hiện việc báo cáo kết quả kiểm phiếu trước khi bế mạc Đại hội. Việc báo cáo kết quả kiểm phiếu được thực hiện đối với từng vấn đề biểu quyết.</p>	
<p>Không có</p>	<p>Điều 16. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>Không có</p>	<p>Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 147 Luật Doanh nghiệp. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p>	<p>Bổ sung theo Điều 147 Luật Doanh nghiệp</p>

	<p>a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty; b. Định hướng phát triển công ty; c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; f. Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán hằng năm; g. Tổ chức lại, giải thể công ty.</p>	
Không có	Điều 17. Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	Bổ sung
Không có	Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.	
Điều 12. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Điều 18. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Cập nhật STT
Điều 13. Lập, công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 19. Lập, công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Cập nhật STT
<p><u>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</u></p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp; d) Họ, tên chủ tọa và thư ký; đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp; e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại</p>	Việc lập, công bố nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo Điều 23 Điều lệ Công ty.	Dẫn chiếu đến điều lệ

<p><u>diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</u></p> <p><u>g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</u></p> <p><u>h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</u></p> <p><u>i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</u></p> <p><u>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</u></p> <p><u>3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</u></p> <p><u>4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</u></p>		
<p>Không có</p>	<p>Điều 20. Hiệu lực của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Bổ sung theo Điều 152 Luật Doanh nghiệp</p>

Không có	<p>1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.</p> <p>2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền</p>	
Không có	Điều 21. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.	Bổ sung theo Điều 151 Luật Doanh nghiệp
Không có	Việc yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty.	
Điều 14. Các vấn đề liên quan đến việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	Bỏ	
<u>MỤC 2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG DƯỚI HÌNH THỨC HỌP TRỰC TUYẾN HOẶC KẾT HỢP TRỰC TIẾP VÀ TRỰC TUYẾN</u>	MỤC 3. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN VÀ BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ	
<u>Điều 15. Phương thức, điều kiện tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến</u> <u>1. Tùy theo tình hình xã hội, hoặc vị trí của các cổ đông Công ty, việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông không nhất thiết phải thực hiện họp trực tiếp, mà có thể họp dưới hình thức trực tuyến hoặc kết hợp trực</u>	<p>Điều 22. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến và bỏ phiếu điện tử</p> <p>1. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tuyến thực hiện tương tự quy định tại Điều 7 Quy chế này.</p>	Các quy định chi tiết hơn sẽ trình bày trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông

tuyên và trực tiếp, trên cơ sở tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho việc dự họp của cổ đông.

2. Công ty có thể tự thực hiện toàn bộ, một phần, hoặc thuê/mượn/sử dụng một hoặc nhiều hệ thống phần mềm của một hoặc nhiều đơn vị để tổ chức các công đoạn của việc họp trực tuyến (đăng ký dự họp và biểu quyết; theo dõi tiến trình họp; nghe, xem chủ tọa, các đại biểu khác hoặc các cổ đông khác phát biểu ...)

3. Các vấn đề khác của cuộc họp mà không được quy định tại mục này, thì thực hiện theo quy định như khi tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp.

Điều 16. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

(áp dụng cho cả trường hợp họp dưới hình thức trực tuyến hoặc kết hợp trực tuyến và trực tiếp)

1. Cổ đông dự họp trực tuyến được cấp “Tài khoản” gồm “Mã đăng nhập” và “Mật khẩu” và các yếu tố định danh khác (nếu có hoặc nếu cần) do Công ty cung cấp cho cổ đông để truy cập, theo dõi diễn biến đại hội và bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử của Công ty. Tài khoản được cấp dựa trên thông tin nhận diện của cổ đông đã được đăng ký tại Công ty gồm:

a. “Mã đăng nhập” do công ty cấp, dựa trên thông tin nhận diện của cổ đông đã được đăng ký tại Công ty.

b. “Mật khẩu” của cổ đông do cổ đông thực hiện thay đổi thông qua số điện thoại đăng ký của cổ đông hoặc trên công cụ bỏ phiếu điện tử của Công ty để xác thực khi cổ đông thực hiện việc đăng ký cổ đông trước khi khai mạc, để thực hiện quyền tham dự, phát biểu, biểu quyết, bầu và các quyền khác của mình tại phiên họp.

2. Trường hợp cổ đông chưa đăng ký hoặc thay đổi số điện thoại, thông tin cá nhân thì cổ đông cần liên hệ với Công ty để thực hiện đăng ký hoặc cập nhật thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty để có thể đăng nhập và sử dụng tài khoản ổn định, thuận tiện. Ban tổ chức Đại hội có thể thông báo thông qua

2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

a. Việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện tương tự quy định tại Điều 8 và Điều 9 Quy chế này.

b. Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quy chế này. Thông báo mời họp phải quy định rõ cách thức đăng ký và tham dự họp trực tuyến, cách thức bỏ phiếu điện tử và phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận.

3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền (nếu có) tham dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến để thực hiện đăng ký tham dự họp. Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông một (01) tên đăng nhập kèm mật khẩu tương ứng để truy cập vào hệ thống nêu trên. Hướng dẫn cụ thể sẽ được ghi trong thông báo họp Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

4. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty và những cách thức được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông
Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.

6. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, và thông báo kết quả kiểm phiếu

các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại cho cổ đông để hỗ trợ việc cập nhật/thay đổi thông tin.

3. Cổ đông tư bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

Trường hợp cổ đông để lộ thông tin đăng nhập hoặc quên mật khẩu cần liên hệ lại ngay cho Công ty và/hoặc đơn vị hỗ trợ kỹ thuật để thực hiện đổi mật khẩu. Công ty không chịu trách nhiệm trong việc cổ đông để lộ thông tin đăng nhập hoặc quên mật khẩu nhưng không thông báo lại cho Công ty dẫn đến việc không thể thực hiện đầy đủ quyền dự họp.

4. Trường hợp Công ty kết hợp việc tổ chức họp trực tuyến và họp trực tiếp, thì cổ đông có thể chuyển việc dự họp trực tiếp sang dự họp trực tuyến bằng việc đăng nhập vào hệ thống.

5. Cổ đông đã thực hiện toàn bộ hoặc một phần việc biểu quyết trước khi khai mạc đại hội cũng được xác định là đã đăng ký dự họp.

Điều 17. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

(áp dụng cho cả trường hợp họp dưới hình thức trực tuyến hoặc kết hợp trực tuyến và trực tiếp)

1. Việc ủy quyền chỉ có hiệu lực khi thỏa mãn các điều kiện sau:

a) Cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.

b) Cổ đông lập văn bản ủy quyền được lập theo quy định tại quy chế này, trong đó ghi đầy đủ thông tin số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email của bên nhận ủy quyền.

c) Công ty nhận được gửi văn bản ủy quyền gửi về muộn nhất trước khi đại hội khai mạc 01 ngày làm việc

a. Cách thức bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử sẽ được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.

b. Cổ đông dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến quy định tại khoản 3 Điều này để thực hiện biểu quyết/ bầu cử. Khi cổ đông tiến hành bỏ phiếu điện tử, số ý kiến "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" đối với từng nội dung biểu quyết và số phiếu bầu cử cho từng ứng viên được ghi nhận trên hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

c. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa hoặc trưởng ban kiểm phiếu công bố ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu.

7. Hình thức và điều kiện để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

a. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thực hiện tương tự quy định tại Điều 16 Quy chế này.

b. Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty

8. Lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Việc lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 23 Điều lệ Công ty.

9. Cách thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông

Cách thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, hoặc thông qua theo hình thức bỏ phiếu điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 18 Quy chế này.

(để bổ phân kỹ thuật thực hiện việc cấp tài khoản cho người được ủy quyền)

2. Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho Công ty muộn nhất trước lúc đại hội khai mạc.

Hủy bỏ ủy quyền sẽ bị vô hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 18. Cách thức thảo luận, phát biểu ý kiến trực tuyến

1. Theo sự điều khiển của chủ tọa, cổ đông tham dự trực tuyến có thể phát biểu, góp ý với Đại hội thông qua hệ thống hình ảnh, âm thanh được kết nối với Ban tổ chức Đại hội hoặc thông qua màn hình hội thoại trực tuyến, gửi thư điện tử, chat trực tuyến tới Ban thư ký Đại hội.

2. Nguyên tắc phát biểu thực hiện theo quy định như khi tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp.

Điều 19. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu trực tuyến

1. Cổ đông lựa chọn một trong ba phương án biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc không ý kiến với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Trường hợp bầu dồn phiếu, cổ đông thực hiện điền số phiếu mình bầu cho ứng viên vào ô tương ứng với tên ứng viên.

2. Trong trường hợp phát sinh các nội dung ngoài chương trình đại hội đã gửi cho cổ đông, cổ đông có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung.

3. Vấn đề nào của chương trình Đại hội mà cổ đông không tham gia biểu quyết, bầu cử thì được coi là cổ đông không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó.

10. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Việc công bố nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện tương tự quy định tại Điều 19 Quy chế này.

11. Hiệu lực của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông
Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, hoặc thông qua theo hình thức bỏ phiếu điện tử có giá trị tương đương nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp và có hiệu lực theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.

12. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông
Việc yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty.

<p>4. Việc kiểm phiếu được hệ thống phần mềm tự động tính toán kết quả tại thời điểm kết thúc việc biểu quyết, bầu cử. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử của cổ đông.</p> <p>5. Kết quả kiểm phiếu điện tử được tính toán và hiển thị công khai sau khi kết thúc thời gian kiểm phiếu, và được Ban kiểm phiếu công bố gộp với kết quả kiểm phiếu trực tiếp (nếu tổ chức kết hợp họp trực tuyến và trực tiếp)</p> <p>Điều 20. Lập biên bản họp, công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thực hiện tương tự việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp.</p>		
<p>Không có</p>	<p>MỤC 4. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN</p>	
<p>Không có</p>	<p>Điều 23. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản</p> <p>Ngoại trừ các nội dung, vấn đề phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông quy định tại Điều 16 Quy chế này Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.</p>	
<p>Không có</p>	<p>Điều 24. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>1. Chuẩn bị tài liệu:</p> <p>Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho</p>	

các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ Công ty.

2. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp. Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được lập dựa trên số đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi tài liệu và phiếu lấy ý kiến cho cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Gửi tài liệu và phiếu lấy ý kiến cho cổ đông

Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện trong tự quy định gửi thông báo mời họp tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.

4. Nhận phiếu lấy ý kiến gửi về của cổ đông

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của:

a. Cổ đông cá nhân, hoặc

b. Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức, hoặc

c. Cá nhân được cổ đông ủy quyền, hoặc

d. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức được cổ đông ủy quyền.

Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức quy định tại khoản 4 Điều 22 Điều lệ Công ty.

5. Kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu

Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung quy định tại khoản 5 Điều 22 Điều lệ Công ty.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua

Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;

8. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

	<p>Việc yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty.</p> <p>9. Lưu tài liệu Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.</p>	
Không có	MỤC 5. QUY ĐỊNH VỀ MỘT SỐ BÁO CÁO BẮT BUỘC PHẢI TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN	
Không có	<p>Điều 25. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và phải đảm bảo có các nội dung sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. 2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị. 3. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch. 4. Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị. 	<p>Bổ sung theo Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP</p>

	<p>5. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có).</p> <p>6. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc.</p> <p>7. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác.</p> <p>8. Các kế hoạch trong tương lai.</p>	
Không có	<p>Điều 26. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</p> <p>Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp và phải đảm bảo có các nội dung sau:</p> <p>1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát.</p> <p>3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty.</p> <p>4. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.</p> <p>5. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác.</p> <p>6. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.</p>	Bổ sung theo Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	

MỤC 1. QUY ĐỊNH CHUNG	Bổ	
Điều 21. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Điều 27. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Cập nhật STT
<p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quyền, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định của pháp luật, và điều lệ công ty, và các nội dung sau:</p> <p><u>1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty.</u></p> <p><u>2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty.</u></p> <p><u>3. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty.</u></p> <p><u>4. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố</u></p> <p><u>5. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.</u></p> <p><u>6. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</u></p> <p><u>7. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.</u></p> <p><u>8. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty.</u></p> <p><u>9. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</u></p>	<p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quyền, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định của pháp luật, Điều 27 điều lệ công ty, và các nội dung sau:</p> <p>a. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty.</p> <p>b. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty.</p> <p>c. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty.</p> <p>d. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.</p> <p>e. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.</p> <p>f. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty.</p> <p>g. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 25 Quy chế này.</p> <p>h. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty</p> <p>i. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12</p>	<p>Không đổi</p>

	<p>tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và giữa công ty với thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này.</p> <p>j. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc thấp hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.</p> <p>k. Chấp thuận hợp đồng mua, bán vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ trường hợp ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và giữa công ty với thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này.</p>	
Điều 22. Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 28. Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị	Cập nhật STT
Điều 23. Thành phần, số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị	Điều 29. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	Cập nhật STT
<p><u>1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu</u></p>	<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của công ty ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục.</p> <p>Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là</p>	Sửa theo Điều 154 Luật Doanh nghiệp và khoản 1 Điều 26 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Căn cứ vào số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn thiếu cho nhiệm kỳ hiện tại hoặc cần bầu nhiệm kỳ kết tiếp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng cử viên song song với việc tổ chức đề cử thêm ứng cử viên theo quy định tại Điều lệ công ty. Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 24. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 30. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị	Cập nhật STT
Không có	1. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị cần đảm bảo tuân thủ các quy định tại khoản 3 Điều 26 Điều lệ Công ty.	
<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;</p> <p>c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác, nhưng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.</p> <p>d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;</p> <p>đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.</p>	<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty:</p> <p>a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;</p> <p>c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.</p> <p>d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;</p> <p>d. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.</p>	
Không có	3. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.	
2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:	4. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:	Cập nhật STT

<p>a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;</p> <p>b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;</p> <p>c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;</p> <p>d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;</p> <p>đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;</p> <p>e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.</p>	<p>a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;</p> <p>b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;</p> <p>c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;</p> <p>d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;</p> <p>đ. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;</p> <p>e. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.</p>	
<p>3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.</p>	<p>5. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 4 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.</p>	<p>Cập nhật STT</p>

	<p>6. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Chủ tịch Hội đồng quản trị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch; - Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc của cùng (01) công ty đại chúng. 	
<p>Điều 25. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p><u>2. Căn cứ vào số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn thiếu cho nhiệm kỳ hiện tại hoặc cần bầu nhiệm kỳ kết tiếp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng cử viên song song với việc tổ chức đề cử thêm ứng cử viên theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</u></p>	<p>Điều 31. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>2. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải được đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.</p>	Cập nhật STT
<p><u>3. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.</u></p>	Bỏ	
<p>Điều 26. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị</p> <p><u>Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</u></p> <p><u>Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu</u></p>	<p>Điều 32. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Cách thức biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty.</p>	Cập nhật STT
		Dẫn chiếu đến điều lệ

<p>từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. <u>Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.</u></p>		
<p>Điều 27. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;</p> <p><u>b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ tối thiểu theo quy định của pháp luật.</u></p> <p><u>c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.</u></p>	<p>Điều 33. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;</p> <p>b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ tối thiểu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị không đảm bảo theo quy định.</p> <p>d. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.</p>	<p>Bổ sung theo điều 140 Luật DN</p>
<p>Điều 28. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 34. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p><u>Sau khi có quyết định về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Công ty phải thực</u></p>	<p><u>Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin</u></p>	

<p><u>hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</u></p>	<p>theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ trên trang thông tin điện tử của Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi công ty niêm yết kể từ khi có sự thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.</p>	
<p>Điều 29. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 35. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p>Điều 30. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 36. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p><u>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</u></p>	<p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>	
<p>Điều 31. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 37. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p><u>1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. 2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</u></p>	<p>Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty.</p>	

<p><u>3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</u></p> <p><u>4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công tron gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</u></p> <p><u>5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.</u></p> <p><u>6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.</u></p>		
MỤC 2. HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Bỏ	
Điều 32. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị	Điều 38. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị	Cập nhật STT
1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao	Bỏ	Đã trình bày ở khoản 1 điều 36 Quy chế này

<p>nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>		
<p>2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.</p>	<p>1. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.</p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau: a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị; b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác; c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị; d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.</p>	<p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau: a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị; b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác; c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị; d. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.</p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p>4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p>	<p>3. Đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>	<p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 2 Điều này có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định.</p>	<p>5. Việc thông báo họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 30 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Dẫn chiếu đến điều lệ</p>

<p><u>Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</u> <u>Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</u></p>		
<p>7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p>	<p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p>8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>	<p>7. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị tuân thủ quy định tại khoản 8 Điều 30 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Dẫn chiếu đến điều lệ</p>
<p>9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau: a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này; c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành</p>	<p>8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau: a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này; c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; đ. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành</p>	<p>Cập nhật STT</p>

<p>viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.</p>	<p>viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.</p>	
<p>10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p>	<p>9. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p><u>12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</u></p>	<p>a. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. b. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định. c. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp. d. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị</p>	<p>Tham chiếu Khoản 12 Điều 157 và Khoản 3,4 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và khoản 13, 14 Điều 30 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

	quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.	
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.	11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.	Không đổi
Điều 33. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị	Điều 39. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị	Cập nhật STT
Điều 34. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị	Điều 40. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị	Cập nhật STT
Điều 35. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị <u>Sau khi nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</u>	Điều 41. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Nghị quyết Hội đồng quản trị sẽ được thông báo và công bố theo quy định tại Điều lệ công ty và quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Cập nhật STT
Điều 37. Việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	Điều 42. Việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	Cập nhật STT
Điều 38. Người phụ trách quản trị công ty	Điều 43. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty	Cập nhật STT
<u>2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</u>	2. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau: - Có hiểu biết về pháp luật; - Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty; - Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.	

<p><u>3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</u></p> <p>a) <u>Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</u></p> <p>b) <u>Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</u></p> <p>c) <u>Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</u></p> <p>d) <u>Tham dự các cuộc họp;</u></p> <p>đ) <u>Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</u></p> <p>e) <u>Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;</u></p> <p>g) <u>Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;</u></p> <p>h) <u>Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</u></p> <p>i) <u>Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</u></p> <p>k) <u>Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</u></p>	<p><u>3. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều 32 Điều lệ Công ty.</u></p>	<p>Dẫn chiếu đến điều lệ</p>
<p><u>4. Trường hợp không thực hiện đúng các nghĩa vụ của mình, người phụ trách quản trị công ty có thể bị miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị.</u></p>	<p><u>4. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;</u></p> <p>a. <u>Hội đồng quản trị miễn nhiệm người phụ trách quản trị Công ty trong trường hợp sau đây:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này; - Có đơn từ chức và được chấp thuận; - Không hoàn thành các công việc được giao; - Các trường hợp khác mà pháp luật cho phép. <p>b. <u>Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.</u></p>	

<u>5. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</u>	5. Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ công ty và công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	
CHƯƠNG III. BAN KIỂM SOÁT	CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT	Cập nhật STT
Điều 39. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	Điều 44. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	Cập nhật STT
Điều 39. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát	Điều 45. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát	Cập nhật STT
Điều 40. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát	Điều 46. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát	Cập nhật STT
<u>1. Ban kiểm soát có ba thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</u>	1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (05) người.	
	2. Nhiệm kỳ của Thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.	
<u>2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.</u>	Bỏ	
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.	3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.	Không đổi
<u>4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.</u>	Bỏ	

Điều 41. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát	Điều 47. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát	Cập nhật STT
Bỏ	2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.	
Điều 42. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát	Điều 48. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát	Cập nhật STT
Điều 43. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát	Điều 49. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát	Cập nhật STT
1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. 2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.	1. Cách thức biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty. 2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.	Dẫn chiếu đến điều lệ
Điều 44. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	Điều 50. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát	Cập nhật STT
Không có	3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp số lượng thành viên Ban kiểm	Bổ sung

	soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Ban kiểm soát không đảm bảo theo quy định.	
Điều 45. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	Điều 51. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	Cập nhật STT
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.	2. Thông báo về việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát phải được thực hiện tương tự quy định tại Điều 34 Quy chế này.	
Điều 46. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát	Điều 52. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát	Cập nhật STT
CHƯƠNG IV. TỔNG GIÁM ĐỐC	CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC	Cập nhật STT
Điều 47. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc	Điều 53. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc	Cập nhật STT
Điều 48. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc	Điều 54. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc	Cập nhật STT
Điều 49. Bổ nhiệm, miễn nhiệm; ký, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc	Điều 55. Bổ nhiệm, miễn nhiệm; ký, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc	Cập nhật STT
1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc dựa trên đề nghị của thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban giám đốc, hoặc cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần phổ thông của công ty trở lên.	1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc dựa trên đề nghị của thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban giám đốc, hoặc cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần phổ thông của công ty trở lên.	
2. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.	2. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.	Không đổi
3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.	3. Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc phải được thực hiện tương tự quy định tại Điều 34 Quy chế này.	
Điều 50. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc	Điều 56. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc	Cập nhật STT

CHƯƠNG V. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC	CHƯƠNG VI. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH	
Điều 51. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc	Điều 57. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc	Cập nhật STT
Điều 52. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc	Điều 58. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc	Cập nhật STT
Điều 53. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị	Điều 59. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị	Cập nhật STT
Điều 54. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao	Điều 60. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao	Cập nhật STT
Điều 55. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc	Điều 61. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc	Cập nhật STT
Điều 56. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	Điều 62. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	Cập nhật STT
Điều 57. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc	Điều 63. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc	Cập nhật STT
Không có	CHƯƠNG VII. QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC.	Bổ sung
Điều 58. Quy định về việc đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác	Điều 64. Quy định về việc đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác	Cập nhật STT
Điều 59. Khen thưởng	Điều 65. Khen thưởng	Cập nhật STT
2. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn	2. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho	

cho người lao động trong công ty) hoặc các hình thức khác do Hội đồng quản trị quyết định. Các hình thức khen thưởng sẽ do Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch trình Hội đồng quản trị phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.	người lao động trong công ty) hoặc các hình thức khác do Hội đồng quản trị quyết định. Các hình thức khen thưởng sẽ do Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch trình Hội đồng quản trị phê chuẩn, Hội đồng quản trị sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội hằng năm	
Điều 60. Kỷ luật	Điều 66. Kỷ luật	Cập nhật STT
Không có	CHƯƠNG VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	Bổ sung
	Điều 67. Sửa đổi bổ sung	Bổ sung
	<p>1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị soạn thảo, xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.</p>	
Điều 61. Hiệu lực thi hành	Điều 68. Hiệu lực thi hành	Cập nhật STT
<u>Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên bao gồm 61 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 06 năm 2021, thay thế cho Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đã ban hành trước đây.</u>	<p>1. Quy chế này gồm 8 chương, 68 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên thống nhất thông qua ngày tháng năm ... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.</p> <p>2. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và cá nhân, tổ chức khác có liên quan của Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.</p>	

PHỤ LỤC: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

(Đính kèm Tờ trình số 318/TTr-HĐQT, ngày 27 tháng 05 năm 2023)

Ghi chú:

- Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi
Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Quy chế hoạt động của HĐQT hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng gạch chân.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Quy định tại Quy chế hoạt động của HĐQT sửa đổi” là nội dung **màu đen, in đậm**.
- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
- Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- Nghị định 155/2020/NĐ – CP là Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Quy định tại Quy chế hoạt động của HĐQT hiện hành	Quy định tại Quy chế hoạt động của HĐQT sửa đổi	Lý do sửa đổi
CĂN CỨ	CĂN CỨ	
<ul style="list-style-type: none">- <u>Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;</u>- <u>Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;</u>- <u>Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</u>- <u>Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị</u>	<ul style="list-style-type: none">- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	Bổ sung đầy đủ hơn



<p><u>định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</u></p> <p>– <u>Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên;</u></p> <p>– <u>Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số/NQ-ĐHĐCD ngày 30 tháng 06 năm 2021;</u></p>	<p>– <u>Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.</u></p> <p>– <u>Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên</u></p> <p>– <u>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số/NQ-ĐHĐCD ngày tháng năm 2023;</u></p>	
<p>CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG</p>	<p>CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG</p>	
<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</p>	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</p>	
<p>1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.</p>	<p>1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.</p>	<p>Bổ sung</p>
<p>2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên</p>	<p>Bổ sung</p>
<p>Không có</p>	<p>Điều 2. Trách nhiệm pháp lý của Hội đồng quản trị</p>	<p>Bổ sung</p>
	<p>Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và chịu trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp.</p>	
<p>Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị</p>	<p>Cập nhật STT</p>

10/11/2023 15:17

CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
<p>Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Cập nhật STT</p>
<p><u>1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.</u></p> <p><u>2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:</u></p> <p>a) <u>Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;</u></p> <p>b) <u>Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;</u></p> <p>c) <u>Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;</u></p> <p>d) <u>Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;</u></p> <p>đ) <u>Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.</u></p> <p><u>3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.</u></p>	<p><u>Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 28 Quy chế nội bộ về quản trị doanh nghiệp của công ty, Điều lệ công ty và quy định của pháp luật hiện hành.</u></p>	<p>Dẫn chiếu đến Quy chế quản trị của Công ty</p>

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	Cập nhật STT
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	Cập nhật STT
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	Cập nhật STT
1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:	1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:	
d) <u>Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;</u>	Bỏ	
Không có	2. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.	Bổ sung
2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau: a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó; b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định; c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị	3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau: a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó; b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định; c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị	Cập nhật STT

<p>ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty; d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty; đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ; e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.</p>	<p>ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty; d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty; đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ; e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.</p>	
<p>3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.</p>	<p>4. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.</p>	Cập nhật STT
<p>Không có</p>	<p>5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 26 Điều lệ Công ty.</p>	
<p>Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>	Cập nhật STT
<p>Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</p>	Cập nhật STT
<p>4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau:</p>	<p>4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau:</p>	
<p><u>b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;</u></p>	<p><u>b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải</u></p>	TH quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật

	triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị không đảm bảo theo quy định;	doanh nghiệp cho DN có Ủy ban kiểm toán
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	Cập nhật STT
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	Cập nhật STT
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Cập nhật STT
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Cập nhật STT
<p><u>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</u></p> <p>a) <u>Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</u></p> <p>b) <u>Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</u></p> <p>c) <u>Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</u></p> <p>d) <u>Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;</u></p> <p>đ) <u>Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;</u></p> <p>e) <u>Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</u></p> <p>g) <u>Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</u></p> <p>h) <u>Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</u></p>	<p><u>2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ được quy định tại điều 27 Điều lệ công ty, khoản 2 Điều 27 Quy chế nội bộ về quản trị doanh nghiệp của công ty.</u></p>	Dẫn chiếu đến điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ công ty

<p><u>i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</u></p> <p><u>k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;</u></p> <p><u>l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</u></p> <p><u>m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</u></p> <p><u>n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p><u>o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</u></p> <p><u>p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;</u></p> <p><u>q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</u></p> <p><u>r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.</u></p>		
<p>Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch</p>	<p>Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch</p>	<p>Cập nhật STT</p>

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	Cập nhật STT
<p>2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;</p>	<p>2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;</p> <p>Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.</p>	Bổ sung theo khoản 2 Điều 140 Luật DN
Điều 14. Các tiêu ban giúp việc Hội đồng quản trị.	Điều 15. Các tiêu ban giúp việc Hội đồng quản trị.	Cập nhật STT
CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị	Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị	Cập nhật STT
<p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau:</p> <p>a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</p>	<p>Cuộc họp Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại Điều 30 Điều lệ công ty và tuân theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	Cập nhật STT